

GIÁO DỤC THỂ CHẤT TRONG TRƯỜNG HỌC Ở VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI TRƯỚC 2015 - MỘT GÓC NHÌN

TS. Trần Hữu Hùng

Trường Đại học TDTT Đà Nẵng

Tóm tắt: Trên cơ sở phân tích và tổng hợp tài liệu, bài viết đánh giá một vài vấn đề liên quan đến giáo dục thể chất trong các trường học phổ thông ở Việt Nam và một số nước trên thế giới trước năm 2015. Đây là những ý kiến tham khảo để đổi mới chương trình giáo dục thể chất trong trường học phổ thông ở nước ta.

Từ khóa: *Giáo dục thể chất; Tiểu học; Trung học cơ sở; Trung học phổ thông.*

Abstract: Based on the analysis and synthesis of the literature, the article assessed some of the issues related to physical education in schools in Vietnam and in some countries around the world before 2015. These are suggestions for reforming physical education programs in schools in our country.

Keywords: *Physical education; Primary school; Secondary schools; High school.*

Mở đầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa “là một sự kiện không thể tránh khỏi của cuộc sống” [8], giáo dục nói chung và giáo dục thể chất (GDTC) nói riêng của Việt Nam nằm trong bức tranh chung của giáo dục các nước trên thế giới. Có nhiều vấn đề liên quan đến GDTC cho thế hệ trẻ trong nhà trường phổ thông. Bài viết này chỉ đề cập tình hình thực hiện, phân bổ thời gian và nội dung của chương trình GDTC trường học phổ thông ở nước ta và một số nước trên thế giới trước 2015. Đây là một trong những ý kiến tham khảo để đổi mới chương trình - sách giáo khoa về GDTC trong trường học phổ thông của nước ta.

1. Tình hình thực hiện GDTC trong trường học phổ thông

Trên thế giới, việc thực hiện GDTC trong các trường học phổ thông theo từng khu vực có khác nhau. Qua tìm hiểu tình hình thực hiện GDTC các khu vực được trình bày tại Bảng 1 cho thấy GDTC trong nhà trường phổ thông trên toàn cầu đạt 79%, ở châu Âu 89%; ở châu Á và Bắc Mỹ chỉ có 33%. Có gần 1/5 các nước (chiếm 21%) được khảo sát chỉ ra rằng GDTC không thực sự được thực hiện đúng với các quy định và yêu cầu pháp lý. Tỷ lệ này tăng lên đến 33% ở miền Trung Mỹ La-tinh và Trung Đông,

40% ở châu Phi, 67% ở châu Á và Bắc Mỹ. Ở châu Âu chỉ 11% các nước bị cáo buộc thực hiện GDTC không đầy đủ. Hơn nữa, bằng chứng khảo sát cho thấy các giờ học Thể dục (TD) có nhiều khả năng bị hủy bỏ hơn những giờ học của các môn học khác trong chương trình giảng dạy.

Tuy có những hạn chế trên, nhưng số liệu khảo sát cũng nói lên rằng GDTC đã mang tính toàn cầu với yêu cầu thực tiễn rất lớn về GDTC trong nhà trường phổ thông. Ở Việt Nam, TD là môn học bắt buộc trong trường học phổ thông, vì vậy so với nhiều khu vực trên thế giới thì GDTC trong trường học ở nước ta được sự quan tâm rất lớn của Đảng và Nhà nước.

Tình hình thực hiện GDTC ở một số nơi trên thế giới đã cho thấy có sự chênh lệch giữa yêu cầu pháp lý và chính sách nhà nước về GDTC với việc thực hiện nó:

Nam Phi: “Trong một số trường tiểu học, phân bổ thời gian GDTC không đúng như đã nêu trong báo cáo sửa đổi chương trình giảng dạy quốc gia. Các môn như Văn và Toán được tăng thêm thời gian trong các trường này như sự phát triển của chương trình, là trách nhiệm của các trường học và có thể loại bỏ việc đó theo ý của nhà trường” (Ken Hardman, 2008, tr.9).

Trung Quốc: “*Vẫn có một khoảng cách đáng kể giữa các mục tiêu giáo dục và việc thực hiện. Các lý do bao gồm sự phù hợp của bộ máy, giới hạn không gian, lãi suất của trường thấp, và chất lượng của giáo viên TD. Ngoài ra, cha mẹ thường muốn con cái của họ học giỏi văn hóa và giàu có hơn. Do đó, họ thường hỗ trợ đối tượng học tập nhiều hơn thay vì hoạt động GDTC*” (Ken Hardman, 2008, tr.9).

Việt Nam: “*Công tác GDTC trong nhà trường và các hoạt động thể thao ngoại khóa của học sinh, sinh viên chưa được coi trọng, chưa đáp ứng yêu cầu duy trì và nâng cao sức khỏe cho học sinh, là một trong số các nguyên nhân khiến cho thể lực và tầm vóc người Việt Nam thua kém rõ rệt so với một số nước trong khu vực*”. (“Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020”, 2002).

Bảng 1. Tỷ lệ thực hiện GDTC ở các khu vực, quốc gia

TT	Toàn cầu/khu vực	Tỷ lệ % thực hiện chương trình quốc gia	Tỷ lệ % chưa thực hiện
1	Toàn cầu	79	21
2	Châu Phi	60	40
3	Châu Á	33	67
4	Miền trung/Mỹ Latin	67	33
5	Châu Âu	89	11
6	Trung Đông	67	40
7	Bắc Mỹ	33	67
8	Việt Nam (2007-2008)	70	30

(Nguồn: Ken Hardman (2008), Chiến lược phát triển TDTT Việt Nam).

Vấn đề pháp lý hoặc chính sách ở các quốc gia có ảnh hưởng lớn đến GDTC trong trường học, tuy vậy giữa chính sách pháp lý cho đến thực tiễn GDTC, vì nhiều lý do khác nhau, đã dẫn đến sự chênh lệch làm ảnh hưởng đến hiệu quả GDTC. Việt Nam có một hệ thống pháp lý, chính sách quy định cụ thể về GDTC trong trường học phổ thông các cấp, đây là một ưu điểm của hệ thống giáo dục nước ta, vấn đề là làm thế nào để biến chủ trương, chính sách thành thực tiễn hiệu quả.

2. Phân bổ thời gian GDTC

Việc phân bổ thời gian GDTC trong trường phổ thông có nhiều khác biệt ở từng nước hoặc khu vực trên toàn cầu, trình bày tại Bảng 2.

Một xu hướng chung có thể xác định là ở bậc tiểu học, có một mức chung là 100 phút (vào năm 2000 trung bình là 116 phút) với một

loạt các hoạt động 30-250 phút/tuần, trong trường trung học là 102 phút (trong năm 2000 là 143 phút) với một loạt các hoạt động 30-250 phút/tuần.

Một số khu vực có sự khác biệt rõ ràng trong phân bổ thời gian: các nước thuộc Liên minh châu Âu 109 phút cho trường tiểu học và 101 phút cho các trường trung học. Trung Mỹ (bao gồm cả các nước Caribê) là 73 phút trong các trường tiểu học và 87 phút trong các trường trung học. Trong những năm 1990, thời gian phân bổ của chương trình GDTC ở các nước đã giảm 17% mặc dù trong thời gian này có các cuộc vận động của quốc tế được hỗ trợ bởi các tổ chức y tế, khoa học, kinh tế, xã hội và văn hoá khuyến khích một phân bổ chương trình chương trình GDTC ít nhất 120 phút mỗi tuần.

Bảng 2. Thời gian phân bổ trong tuần (số phút/tuần) cho GDTC ở các nước thuộc Liên minh châu Âu: 2000-2007 (Ken Hardman, 2008, tr.10-11)

Nước	Tiểu học				Trung học cơ sở và trung học phổ thông			
	2000		2007		2000		2007	
	Thấp nhất	Cao nhất	Thấp nhất	Cao nhất	Thấp nhất	Cao nhất	Thấp nhất	Cao nhất
Áo	100	200	100	200	100	200	50	200
Bỉ	100	120	100	100	150	150	100	150
Bulgari	120	120	100	150	120	120	135	135
Síp	90	90	80	80	90	90	45	135
Cộng hòa Séc	90	135	90	135	90	90	90	135
Đan Mạch	90	100	90	90	90	100	60	60
Estonia	90	135	135	135	90	90	90	90
Phần Lan	90	90	90	90	90	90	45	90
Pháp	240	240	120	240	120	240	90	240
Đức	90	180	60	150	90	180	60	135
Hy Lạp	90	90	90	135	90	90	90	135
Hungari	90	90	112	225	90	135	90	225
Iaxolen	30	60	30	60	45	120	57	120
Ý	100	120	60	150	100	120	120	120
Látvia	120	120	80	80	120	120	80	80
Lithuania	90	90	35	45	90	90	45	45
Malta	90	90	150	150	45	90	45	90
Hà Lan	50	100	45	90	50	100	90	120
Ba Lan	135	135	135	180	90	135	135	180
Rumani	100	100	100	100	100	100	100	100
Slovakia	90	135	90	135	135	135	45	135
Slovennia	135	135	45	135	90	90	90	180
Tây Ban Nha	60	60	100	180	60	60	110	120
Anh	30	120	30	130	60	120	60	120
Luxembourg	100	136	100	100	45	150	45	90
Bồ Đào Nha	150	180	90	135	150	180	180	180
Thụy Điển	110	110	100	100	110	110	60	60

Tại Việt Nam cho đến năm 2015, kết quả ở Bảng 3 cho thấy, số giờ GDTC phân bổ là 70 phút mỗi tuần trong các trường tiểu học (riêng lớp 1 là 35 phút) và 90 phút mỗi tuần trong các

trường trung học cơ sở và trung học phổ thông, tương đương với các nước khu vực và ít hơn so với các nước phát triển.

Bảng 3. Thời gian phân bổ cho GDTC ở Việt Nam (Chương trình giáo dục phổ thông, 2006)

TT	Nội dung	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
1	Số tuần học	35	35	35
2	Số tiết trong một tuần	2 (lớp 1 có 1 tiết)	2	2
3	Thời gian 1 tiết học	35 phút	45 phút	45 phút
4	Thời gian học trong tuần	70 phút	90 phút	90 phút

Hướng đến việc bắt buộc GDTC trong trường học phổ thông trên toàn cầu với một nguyên tắc đảm bảo ít nhất 3 buổi/tuần. Phân bổ thời gian của chương trình GDTC là một vấn đề quan trọng trong việc cung cấp GDTC chất lượng với 180 phút/tuần. Hiệp hội TT và GDTC quốc gia Mỹ (National Association for Sport and Physical Education - NASPE) khuyến cáo tối thiểu là 150 phút mỗi tuần cho GDTC trong trường tiểu học và 225 phút mỗi tuần cho học sinh trung học cơ sở (THCS) và trung học phổ thông.

Hội nghị Hội đồng châu Âu cấp Bộ trưởng ngày 30/4/2003 đã khuyến nghị phân bổ thời gian GDTC để thực hiện GDTC bắt buộc 180 phút/tuần ở các nước thành viên. UNESCO và

WHO đã tích cực xây dựng nguyên tắc chính sách chất lượng GDTC trên toàn cầu. Duy trì và theo dõi GDTC trên toàn thế giới là một bắt buộc. UNESCO và các chiến lược toàn cầu của WHO đã ủng hộ ý kiến thường xuyên theo dõi tình hình GDTC ở các nước.

3. Chương trình GDTC

Thống kê về các lĩnh vực hoạt động giảng dạy TD, qua cuộc khảo sát kiểm tra việc phân bổ thời gian các nội dung của chương trình GDTC các khu vực trên toàn cầu cho thấy các hoạt động TDTT cạnh tranh như trò chơi, điền kinh và thể dục tổng hợp lĩnh vực hoạt động giảng dạy TD cho học sinh trên toàn cầu được trình bày tại Bảng 4.

Bảng 4. Phân bổ thời gian trong chương trình GDTC trong các trường tiểu học và THCS (%) (Ken Hardman, 2008, tr.17)

TT	Nội dung	Trường tiểu học	Trường trung học
1	Trò chơi	41	43
3	Thể dục	18	14
4	Điền kinh	18	22
5	Bơi lội	6	5
6	Khiêu vũ	7	4
7	Mạo hiểm ngoài trời	5	4
8	Khác	5	8

Đánh giá về chương trình GDTC trên toàn cầu, theo Ken Harman, việc cải cách giáo dục ở một số nước đáp ứng với nhận thức rằng sức khỏe có liên quan đến phong cách sống và béo

phì là một đại dịch đã dẫn đến thay đổi về chương trình GDTC trong trường học. Sự liên kết giữa GDTC với y tế trường học với sự phát triển cá nhân và xã hội đang xảy ra ở một số

nước. Hoạt động mới đang được tích hợp vào một số chương trình (TD dựa trên các hoạt động như TD nhịp điệu và TD kết hợp với nhạc jazz và các hoạt động trượt băng...). Đây là xu hướng mới tích cực, tạo ra những chương trình GDTC đưa vấn đề sức khỏe và phong cách sống năng động trước tiên.

Tỷ lệ thời gian dành cho các trò chơi, điền kinh và TD chiếm đến 77% nội dung chương trình giảng dạy TD trong các trường tiểu học và 79% trong các trường trung học cơ sở. Điều đó cho thấy rằng đã có một định hướng GDTC chưa phù hợp với xu hướng xã hội bên ngoài trường học, điều này làm tăng các vấn đề mục tiêu của GDTC cho thế hệ trẻ cũng như vấn đề chất lượng của các chương trình GDTC.

Nội dung của chương trình giảng dạy TD (bảng 3) chủ yếu liên quan đến phát triển các kỹ năng vận động và một số kỹ năng thể thao, trong khi đó các hoạt động mạo hiểm ngoài trời, khiêu vũ và bơi lội chỉ có 18% thời gian phân bổ trong nội dung chương trình của các trường tiểu học và 13% của trường trung học cơ sở, xu hướng này biểu hiện ở từng nước, khu vực. Sự bất cập của các chương trình GDTC thể hiện, ví dụ như:

- Anh: tập trung nhiều ở phát triển kỹ năng chứ không kết hợp các khía cạnh của kiến thức, kỹ năng, sự hiểu biết và sự phát triển thể chất trong giai đoạn nền tảng.

- Hàn Quốc: GDTC tập trung vào kỹ năng thể thao hơn nâng cao sức khỏe và tinh cảm. Hầu hết các nhà GDTC vẫn có quan điểm truyền thống rằng vai trò cơ bản của đối tượng là phát triển kỹ năng vận động trong một loạt các môn thể thao.

- Việt Nam: Việc dạy và học môn TD ở các trường phổ thông có những bất cập đối với thầy và trò. Chương trình môn TD “*được thực hiện theo hướng cung cấp kiến thức kỹ năng vận động giáo dục các tố chất thể lực và góp phần hình thành nhân cách mới cho học sinh*” (Vũ Đức Thu & cộng sự, 1998, tr 4).

Nhìn chung ở Việt Nam, với thời lượng 70 tiết/năm học, chương trình TD của học sinh

THCS và THPT, ngoài phần lý thuyết, ôn tập kiểm tra thì có từ 6 đến 8 nội dung. Do vậy số tiết dành cho mỗi phần rất hạn chế, trung bình 8 tiết/nội dung làm ảnh hưởng đến phần khả năng tiếp thu của học sinh. Riêng nội dung tự chọn, qua điều tra thì phần tự chọn này chủ yếu là do Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo hoặc nhà trường tự chọn theo điều kiện cơ sở vật chất sẵn có hơn là sự hứng thú, sở thích của học sinh.

Có thể tóm tắt sự đánh giá theo như tác giả Lê Văn Xem (2014) trong bài *Khuynh hướng hiện đại của công tác giáo dục thể chất trong trường học và cách tiếp cận: “Riêng lĩnh vực GDTC... duy trì thiết chế GDTC mang tính truyền thống, nặng về giáo dục kỹ thuật vận động thể lực đơn thuần, tách rời GDTC với việc bồi dưỡng chuẩn mực văn hóa thể chất và bồi dưỡng tài năng thể thao”* (Lê Văn Xem, 2014, tr.21).

Ngày nay, GDTC đã được sự quan tâm lớn từ nhiều nước trên thế giới. Nghị quyết của Quốc hội châu Âu về vai trò của thể thao trong giáo dục (2007/2086NI) là một bước tiến quan trọng trong việc hướng dẫn chính sách lĩnh vực GDTC, giúp “*tìm cách để chuẩn bị cho trẻ em một lối sống lành mạnh và tập trung vào phát triển thể chất và tinh thần, cũng như truyền đạt các giá trị xã hội quan trọng như công bằng, kỷ luật, đoàn kết, tinh thần đồng đội, khoan dung và công bằng...*”. Với GDTC trường học, thể thao được coi là một trong những công cụ quan trọng nhất của hội nhập xã hội.

Kết luận

Qua so sánh, phân tích một vài vấn đề của công tác GDTC trong trường học phổ thông ở nước ta và các nước trên thế giới trước 2015, có thể nhận thấy những thuận lợi và khó khăn về công tác GDTC để tham khảo, định hướng cho những bước đi trong tương lai.

Việc đổi mới GDTC trong trường học gồm nhiều vấn đề cần được định hướng:

- **Về quan điểm:** Cần xác định rõ nhiệm vụ hàng đầu của GDTC trong trường học là củng cố, phát triển sức khỏe và kỹ năng sống

cho học sinh rồi đến giáo dục kỹ năng vận động và kết hợp giáo dục đạo đức. Đây là tiền đề dẫn đến những thay đổi tích cực về chính sách, quy định về GDTC liên quan. GDTC là

một bộ phận của chương trình giáo dục phổ thông nói chung thực hiện các mục tiêu chung của cấp học đã đề ra.

Bảng 5. Nội dung chương trình môn học TD trong trường học phổ thông ở Việt Nam [1]

TT	Nội dung	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
1	Lý thuyết chung	0	+	+
2	Tư thế cơ bản	+	0	0
3	Đội hình đội ngũ	+	+	0
4	Bài tập phát triển chung	+	+	+
5	Trò chơi vận động	+	+	+
6	Chạy ngắn	0	+	+
7	Chạy bền	0	+	+
8	Nhảy xa	0	+	+
9	Nhảy cao	0	+	+
10	Đá cầu	0	+	+
11	Cầu lông	0	0	+
12	Môn TT tự chọn: (chọn một trong các môn TT)			
	- Đá cầu	+ (lớp 4&5)	0	0
	- Ném bóng 150 gram		0	0
	- Bóng chuyền mini			
	- Bóng đá mini	0	+	0
	- Bơi			
	- Ném bóng			
	- Bóng chuyền	0	0	+
	- Bóng đá			
	- Bóng rổ			
	- Bơi			
13	Ôn tập, kiểm tra học kỳ I và II, kiểm tra, đánh giá, xếp loại thể lực	+	+	+

Ghi chú: + : có; 0 : không.

- Về phân bổ thời gian GDTC: Tăng cường mật độ tập luyện TDTT của học sinh là một xu thế tất yếu được sự quan tâm của nhiều nước. Giải quyết vấn đề này thông qua các hoạt động thể thao ngoại khóa, cải tiến nội dung và hình thức tập luyện TDTT, tăng hứng thú tập luyện cho học sinh.

- Về chương trình GDTC: Đổi mới chương trình - sách giáo khoa về GDTC theo hướng giảm tải nội dung trong chương trình quy định và chú ý các yếu tố văn hóa truyền thống. Không quá tập trung vào việc hình thành và phát triển kỹ năng thể thao. Lựa chọn môn thể thao tự chọn phù hợp được học sinh

yêu thích giúp học sinh hưởng một chương trình GDTC chất lượng, tạo nên nhiều hưng phấn hơn cho người tập bởi những hoạt động thể thao vui vẻ và tham gia tập luyện thể thao thường xuyên hơn.

Với một chương trình đổi mới dựa trên quan niệm “**sức khỏe đầu tiên**” và điều kiện thực tiễn tại các địa phương sẽ đem lại chuyển

biến tích cực về thể chất cho học sinh trong các trường học phổ thông. Cho dù, quan niệm “sức khỏe đầu tiên” hay “giáo dục kỹ năng vận động đầu tiên” thì cũng cần khẳng định một điều là không thể giảm nhẹ vai trò và trách nhiệm hàng đầu của Đảng và Nhà nước trong việc chăm lo sức khỏe của thể hệ trẻ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/ 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Ban hành chương trình giáo dục phổ thông*.
2. Vũ Đức Thu và cộng sự (1998), Nghiên cứu đánh giá thực trạng công tác giáo dục thể chất và phát triển TDTT trong nhà trường các cấp, *Tuyển tập nghiên cứu khoa học GDTC, sức khỏe trong trường học các cấp*, 4.
3. Lê Ngọc Trà. (15.9.2008). Một số vấn đề của giáo dục Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa. Truy cập ngày 15/9/2011, từ <http://www.vn.360plus.yahoo.com/>.
4. Quyết định số 2198/QĐ-TT ngày 3/12/2010 của Thủ tướng chính phủ, *Về việc phê duyệt Chiến lược phát triển TDTT Việt Nam đến năm 2020*.
5. Ken Hardman. (2008). Physical education in schools: A global Perspective, University Worcester, United Kingdom. Truy cập ngày 17/6/2009, từ <http://hrcak.srce.hr/file/39135>].
6. Ken Hardman. (2008). Physical education in schools: A global Perspective, University Worcester, United Kingdom. Truy cập ngày 17/6/2009, từ <http://hrcak.srce.hr/file/39135>].
7. SEAMEO và UNESCO PROAP (1998), Handbook on Diplomas, Degrees and other Certificates in Higher Education in ASIA and the PACIFIC. Truy cập ngày 17/6/2009, từ <http://www.unescobkk.org/resources/online>.
8. Lê Văn Xem (2014), Khuynh hướng hiện đại của công tác giáo dục thể chất trong trường học và cách tiếp cận. *Tạp chí khoa học Đào tạo và Huấn luyện thể thao Trường Đại học TDTT Bắc Ninh*, 1, 21.
9. Lê Văn Xem (2014), Khuynh hướng hiện đại của công tác giáo dục thể chất trong trường học và cách tiếp cận. *Tạp chí khoa học Đào tạo và Huấn luyện thể thao Trường Đại học TDTT Bắc Ninh*, 1, 21.
10. “Handbook on Diplomas, Degrees and other Certificates in Higher Education in ASIA and the PACIFIC”, 1998.

THẺ LỆ VIẾT VÀ GỬI BÀI TẠP CHÍ

1. Tạp chí Khoa học và Đào tạo thể thao đăng tải các công trình nghiên cứu, các bài báo tổng quan khoa học, các ý kiến trao đổi về học thuật có giá trị khoa học và thực tiễn trên lĩnh vực giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ thể dục thể thao chưa được công bố trên các tạp chí khoa học và báo in. Bài báo không được đăng, Ban biên tập không gửi lại bản thảo.

2. Bài báo được viết bằng tiếng Việt, dài không quá 10 trang giấy khổ A4, đánh máy vi tính trên Word, (bảng mã Unicode, font Times New Roman, cỡ chữ 12, định dạng lề trên 3,0 cm, lề dưới 2,5 cm, lề trái 3,0 cm, lề phải 2 cm, khoảng cách giữa các đoạn văn là 6pt; các công thức Toán học dùng MS Equation; số của công thức đánh phía bên phải). Hình vẽ rõ ràng, không quá 7×14 cm, được định dạng PNG, JPG, WMF. Tên hình vẽ đặt ở phía dưới. Tên bảng biểu đặt ở phía trên. Hình và bảng đều phải đánh số thứ tự.

3. Ở đầu bài báo có tiêu đề, phần tóm tắt bằng tiếng Việt, tiếng Anh (*mỗi phần tóm tắt không dài quá 150 từ, cần nêu bật được những nội dung chính, đóng góp mới của công trình*).

4. Nội dung bài báo gồm các phần chính: Đặt vấn đề, phương pháp nghiên cứu, nội dung nghiên cứu, kết luận và tài liệu tham khảo. Bài báo cần súc tích, sử dụng thuật ngữ và các kí hiệu thông dụng, nếu là thuật ngữ mới thì cần chú thích thuật ngữ xuất xứ; dùng đơn vị đo lường hợp pháp.

5. Danh mục Tài liệu tham khảo không quá 10 đơn vị, sắp xếp theo thứ tự ABC (*tên tác giả đối với tiếng Việt, họ tác giả đối với tiếng nước ngoài*);

6. Cách ghi trích dẫn: Các trích dẫn để trong dấu ngoặc kép. Sau mỗi trích dẫn cần ghi rõ số thứ tự của tài liệu tham khảo ở danh mục Tài liệu tham khảo được đặt trong ngoặc vuông, khi cần có cả số trang. Ví dụ: [1] hoặc [9, tr. 21-22].

7. Cuối bài ghi rõ thông tin của tác giả, nhóm tác giả: Học hàm, học vị, chức danh khoa học của tác giả, đơn vị công tác, địa chỉ liên hệ (điện thoại, E-mail), lĩnh vực nghiên cứu chuyên sâu của tác giả, lĩnh vực nghiên cứu của bài báo.

8. Tác giả gửi cho Ban biên tập: 01 file word bài báo nghiên cứu đến địa chỉ email: tapchikhdttt@gmail.com

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Tạp chí Khoa học và Đào tạo thể thao, Trường Đại học TDTT Đà Nẵng.

Số 44 Dũng Sĩ Thanh Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.

Email tapchikhdttt@gmail.com. Điện thoại: 0236.3707188.

Chi tiết liên hệ Thư ký tòa soạn:

- ThS. Huỳnh Việt Nam - ĐĐ: 0983.192.085

- ThS. Nguyễn Thị Hải Vy - ĐĐ: 0996.997363